|  |
| --- |
|  |
|  | |  |  | | --- | --- | | **CHÍNH PHỦ**  Số: /2018/NĐ-CP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* | | |   **NGHỊ ĐỊNH**  **Về lập, quản lý và sử dụng Quỹ tích lũy trả nợ**    *Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 12 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;*  *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Chính phủ ban hành Nghị định về lập, quản lý và sử dụng Quỹ tích lũy trả nợ.*  **Chương I CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Quỹ tích luỹ trả nợ được Chính phủ thành lập để tập trung các khoản thu hồi vốn cho vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và các khoản thu phí bảo lãnh của Chính phủ nhằm đảm bảo khả năng thanh toán nghĩa vụ nợ của các khoản vay về cho vay lại và dự phòng rủi ro phát sinh từ việc cho vay lại, bảo lãnh chính phủ.  2. Nghị định này quy định chi tiết về lập, quản lý và sử dụng Quỹ tích lũy trả nợ (sau đây gọi tắt là Quỹ).  **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Bộ Tài chính;  2. Cơ quan được ủy quyền cho vay lại;  3. Bên vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ; đối tượng được bảo lãnh;  4. Các tổ chức tiếp nhận và quản lý nguồn vốn của Quỹ;  5. Các đối tượng sử dụng nguồn vốn của Quỹ;  6. Các đối tượng liên quan đến việc liên quan đến việc lập, quản lý và sử dụng Quỹ.  **Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ**  1. Bộ Tài chính tổ chức quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 56 Luật Quản lý nợ công và các quy định tại Nghị định này.  2. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật; đảm bảo an toàn, thanh khoản và hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ;  3. Gắn kết quản lý Quỹ với quản lý nợ công, đảm bảo khả năng thanh toán nghĩa vụ nợ của các khoản vay về cho vay lại và rủi ro phát sinh từ việc cho vay lại, bảo lãnh chính phủ.  4. Việc sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ đảm bảo an toàn, tính thanh khoản và hiệu quả theo thứ tự ưu tiên sau đây:  a) Đảm bảo an toàn;  b) Đảm bảo tính thanh khoản;  c) Đảm bảo hiệu quả.  **Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý Quỹ**  1. Thủ tướng Chính phủ có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:  a) Quyết định việc sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ để xử lý rủi ro đối với cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ theo quy định tại Khoản 4, Điều 14 của Luật Quản lý nợ công, bao gồm quyết định về bên nhận ứng vốn, trị giá ứng vốn, lãi suất ứng vốn, thời hạn hoàn trả ứng vốn.  b) Quyết định việc khoanh nợ khoản ứng vốn hoặc cơ cấu lại khoản ứng vốn từ nguồn Quỹ bao gồm xóa lãi phạt, giảm lãi suất ứng vốn khi bên nhận ứng vốn gặp khó khăn do nguyên nhân bất khả kháng.  2. Bộ Tài chính có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:  a) Tổ chức quản lý toàn bộ nguồn thu và toàn bộ các khoản chi của Quỹ.  b) Thực hiện thu, chi Quỹ theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 56 Luật Quản lý nợ công và quy định tại Nghị định này.  c) Thực hiện quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều 56 Luật quản lý nợ công.  d) Tổ chức hạch toán, kế toán Quỹ theo quy định của pháp luật về kế toán.  đ) Báo cáo Chính phủ về tình hình thu, chi, nghĩa vụ trả nợ, nguyên nhân Quỹ không đủ nguồn để chi trả nợ, đề xuất phương án xử lý trong trường hợp Quỹ không đủ nguồn để chi trả nợ sau khi đã áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro theo quy định của Luật Quản lý nợ công.  e) Quyết định gia hạn thu hồi khoản vốn ứng trong trường hợp đối tượng được bảo lãnh gặp khó khăn trong trả nợ theo quy định của Nghị định của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh chính phủ.  g) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc khoanh nợ, cơ cấu lại khoản nợ ứng vốn khi bên nhận ứng vốn gặp khó khăn trong trả nợ.  3. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm sau đây:  a) Cơ quan cho vay lại, cơ quan được ủy quyền cho vay lại có trách nhiệm đôn đốc, thu hồi nợ cho vay lại từ người vay lại và hoàn trả kịp thời, đầy đủ về Quỹ.  b) Bên vay lại có trách nhiệm sử dụng vốn vay lại đúng mục đích, hoàn trả về Quỹ trực tiếp hoặc thông qua cơ quan được ủy quyền cho vay lại đúng hạn, đầy đủ vốn vay lại.  c) Bên nhận ứng vốn có trách nhiệm sử dụng khoản ứng vốn đúng mục đích, hoàn trả đúng hạn, đầy đủ cho Quỹ theo thỏa thuận ứng vốn. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ đầy đủ, kịp thời cho Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật. Chấp hành các chế tài theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận ứng vốn trong trường hợp không thực hiện đúng nghĩa vụ liên quan.  d) Cơ quan tiếp nhận, quản lý nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ đảm bảo an toàn, đúng quy định của pháp luật, hoàn trả Quỹ đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.  **Điều 5. Căn cứ chi nguồn Quỹ**  1. Mọi khoản chi từ Quỹ tích lũy trả nợ được thực hiện căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền và trên cơ sở hợp đồng ký giữa Bộ Tài chính và bên nhận nguồn vốn từ Quỹ. Riêng khoản chi trả nợ cho bên nước ngoài đối với các khoản Chính phủ vay về cho vay lại được thực hiện theo quy định tại Hiệp định vay.  **Chương II KẾ HOẠCH THU, CHI QUỸ**  **Điều 5. Nội dung kế hoạch thu, chi của Quỹ**  1. Kế hoạch thu của Quỹ bao gồm:  a. Kế hoạch thu hồi nợ cho vay lại;  b. Kế hoạch thu phí bảo lãnh;  c. Kế hoạch thu các khoản thu hợp pháp khác của Quỹ.  2. Kế hoạch sử dụng Quỹ bao gồm:  a. Kế hoạch chi trả nợ nước ngoài các khoản vay về cho vay lại.  b. Kế hoạch ứng vốn trả nợ thay cho khoản vay được Chính phủ bảo lãnh theo quyết định ứng vốn của cấp có thẩm quyền;  c. Kế hoạch sử dụng Quỹ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.  3. Kế hoạch thu, chi của Quỹ được lập hàng năm.  4. Căn cứ kế hoạch thu, chi Quỹ hàng năm, Bộ Tài chính lập kế hoạch hàng quý để chủ động điều hành hoạt động thu, chi của Quỹ.  **Điều 6. Lập kế hoạch thu, chi hàng năm của Quỹ**  1. Bộ Tài chính lập kế hoạch thu, chi hàng năm của Quỹ cùng thời điểm xây dựng dự toán NSNN.  2. Căn cứ lập kế hoạch thu của Quỹ:  a. Dự kiến thu hồi nợ cho vay lại theo thời hạn vay lại của các hợp đồng cho vay lại và theo từng năm, căn cứ báo cáo của bên vay lại và cơ quan được ủy quyền cho vay lại về tình hình và kế hoạch giải ngân, trả nợ, dư nợ các khoản cho vay lại.  b. Dự kiến thu phí bảo lãnh theo các thỏa thuận cấp bảo lãnh chính phủ, căn cứ báo cáo của đối tượng được bảo lãnh về tình hình và kế hoạch giải ngân, trả nợ, dư nợ các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh.  c. Dự kiến các khoản thu từ nghiệp vụ cơ cấu lại nợ, cơ cấu lại danh mục nợ, lãi tiền gửi, cho vay, ủy thác quản lý vốn và đầu tư, các khoản thu hợp pháp khác của Quỹ căn cứ các hợp đồng nghiệp vụ.  3. Căn cứ lập kế hoạch chi hàng năm của Quỹ  a. Kế hoạch chi trả nợ nước ngoài của Chính phủ cho các khoản vay về cho vay lại căn cứ các thỏa thuận vay nước ngoài.  b. Các quyết định của cấp có thẩm quyền về việc ứng vốn từ Quỹ cho các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh gặp khó khăn trong trả nợ, các đề án cơ cấu lại nợ, danh mục nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  c. Các quyết định của cấp có thẩm quyền về việc sử dụng nguồn vốn của Quỹ.  4. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch thu, chi hàng năm của Quỹ để làm căn cứ triển khai thực hiện.  **Điều 7. Kế hoạch điều hành Quỹ**  Trên cơ sở kế hoạch thu, chi hằng năm của Quỹ đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, Bộ Tài chính lập kế hoạch thu, chi cụ thể hàng quý theo tình hình thực tế để chủ động điều hành nguồn thu, chi của Quỹ.  **Chương III THỰC HIỆN THU VÀ SỬ DỤNG QUỸ**  **Điều 8. Thực hiện thu của Quỹ:**  1. Các khoản thu hồi nợ từ các khoản vay về cho vay lại, thu phí quản lý cho vay lại, dự phòng rủi ro cho vay lại của Chính phủ thực hiện như sau:  a) Đối với các khoản cho vay lại thông qua các cơ quan được ủy quyền cho vay lại: Căn cứ các quy định trong các hợp đồng ủy quyền cho vay lại, cơ quan cho vay lại thực hiện việc thu hồi nợ từ người vay lại và hoàn trả vào Quỹ.  b) Đối với các khoản cho vay lại được ủy quyền cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện theo dõi thu hồi nợ: Ngân hàng Phát triển Việt Nam thu hồ nợ từ dự án vào ngày đến hạn trả nợ theo quy định và tổng hợp các khoản thu hồi nợ và chuyển về cho Quỹ định kỳ hàng tháng. Thời điểm nộp về Quỹ chậm nhất là ngày 5 hàng tháng đối với các khoản thu hồi của tháng trước. Riêng các các khoản thu hồi nợ của tháng 12 được nộp về Quỹ trước ngày 25 tháng 12, số trả chính thức của tháng 12 sẽ được đối chiếu và chuyển trả phần còn thiếu (nếu có) trong tháng 01 của năm tiếp theo.  c) Đối với các khoản cho vay lại trực tiếp ký giữa Bộ Tài chính và bên vay lại: Căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng cho vay lại, người vay lại hoàn trả trực tiếp các khoản phải trả vào Quỹ đầy đủ, đúng hạn.  d) Trường hợp, người nhận vay lại chỉ hoàn trả được một phần nghĩa vụ nợ đến hạn, thứ tự ưu tiên trừ nợ thực hiện theo quy định của pháp luật về cho vay lại.  2. Thu phí bảo lãnh Chính phủ: Căn cứ vào Văn bản cam kết của đối tượng được bảo lãnh với cơ quan cấp bảo lãnh, đối tượng được bảo lãnh trực tiếp nộp phí bảo lãnh vào Quỹ. Việc nộp phí bảo lãnh vào Quỹ được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh chính phủ.  3. Thu hồi các khoản ứng vốn từ Quỹ:  a) Người được ứng vốn hoàn trả lại Quỹ số tiền đã ứng bao gồm gốc, lãi, lãi phạt chậm trả và phí (nếu có) theo đúng Hợp đồng ứng vốn ký giữa Bộ Tài chính và bên nhận ứng vốn.  b) Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán theo Hợp đồng ứng vốn hoặc thỏa thuận đã ký mà Quỹ không nhận được số tiền mà người nhận ứng vốn hoàn trả thì người nhận ứng vốn phải chịu lãi phạt chậm trả trên số tiền chậm nộp.  c) Trường hợp, người nhận ứng vốn chỉ hoàn trả được một phần nghĩa vụ nợ đến hạn, thứ tự ưu tiên trừ nợ như sau: lãi phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi đến hạn, gốc quá hạn, gốc đến hạn.  4. Các khoản lãi tiền gửi hoặc lãi từ ủy thác quản lý vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ được thu theo các quy định cụ thể trong các hợp đồng tiền gửi hoặc hợp đồng ủy thác.  5. Các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi có kỳ hạn hoặc nhận ủy thác quản lý vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ có trách nhiệm tính đúng khoản lãi phải trả theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Bộ Tài chính để trả cho Quỹ.  6. Trường hợp Quỹ có nhu cầu sử dụng khoản tiền gửi, ủy thác quản lý vốn, ngân hàng hàng thương mại, tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, ủy thác quản lý vốn của Quỹ thực hiện tất toán hợp đồng và chuyển tiền gốc cùng với lãi mà Quỹ được hưởng về Quỹ theo quy định tại Hợp đồng đã ký với Bộ Tài chính hoặc theo thông báo của Bộ Tài chính.  7. Các khoản thu hợp pháp khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật.  **Điều 9. Hoàn trả ngân sách nhà nước**  1. Khi đến hạn trả nợ nước ngoài, căn cứ vào Thư đòi nợ của chủ nợ nước ngoài, Bộ Tài chính thực hiện trả nợ cho chủ nợ nước ngoài từ ngân sách nhà nước. Phần nghĩa vụ trả nợ nước ngoài cho các khoản vay về cho vay lại được tách riêng trên từng chứng từ trả nợ cho chủ nợ nước ngoài.  2. Định kỳ hàng tháng, trên cơ sở các chứng từ trả nợ nước ngoài, Quỹ tổng hợp phần trả nợ nước ngoài cho các khoản vay về cho vay lại đã được ngân sách nhà nước ứng trả cho chủ nợ nước ngoài, Quỹ lập chứng từ để chuyển tiền hoàn trả cho ngân sách nhà nước.  3. Thời điểm Quỹ hoàn trả cho ngân sách nhà nước chậm nhất vào ngày 10 của tháng tiếp theo, riêng đối với các khoản dự kiến hoàn trả của tháng 12 sẽ được hoàn trả ngân sách nhà nước trước ngày 30 tháng 12. Số hoàn trả chính thức của tháng 12 sẽ được đối chiếu và chuyển trả phần còn thiếu (nếu có) trong tháng 01 của năm tiếp theo.  **Điều 10. Ứng trả nợ thay cho đối tượng được bảo lãnh**  1. Việc ứng vốn từ Quỹ để trả nợ thay đối tượng được bảo lãnh trong trường hợp đối tượng được bảo lãnh gặp khó khăn tạm thời hoặc dài hạn, không có khả năng thực hiện nghĩa vụ nợ đến hạn của khoản vay, khoản phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh lãnh chỉ được thực hiện căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về trị giá ứng, thời hạn ứng, lãi suất ứng vốn, lãi phạt chậm trả và các loại phí ứng vốn.  2. Trường hợp phải ứng vốn từ Quỹ để trả thay cho đối tượng được bảo lãnh, đối tượng được bảo lãnh thực hiện vay bắt buộc từ Quỹ theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.  3. Sau khi hợp đồng vay bắt buộc được ký kết giữa Bộ Tài chính và đối tượng được bảo lãnh và công ty mẹ (nếu có), Bộ Tài chính thực hiện ứng vốn cho đối tượng được bảo lãnh bằng cách chuyển tiền thanh toán trực tiếp cho người cho vay.  4. Đối tượng được bảo lãnh có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ, kịp thời cho Quỹ theo đúng các điều kiện tại Hợp đồng ứng vốn đã ký với Bộ Tài chính. Trường hợp, người nhận ứng vốn chỉ hoàn trả được một phần nghĩa vụ nợ đến hạn, thứ tự ưu tiên trừ nợ thực hiện theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 4, Điều 7 của Nghị định này.  5. Trong thời gian vay bắt buộc của Quỹ, đối tượng được bảo lãnh phải thực hiện đầy đủ các quy định tại Điểm a, b, Khoản 3, Điều 49 Nghị định của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh chính phủ.  6. Trường hợp đối tượng được bảo lãnh gặp khó khăn, không có khả năng thực hiện thanh toán các nghĩa vụ nợ với Quỹ, căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền về việc khoanh nợ, giãn nợ cho đối tượng được bảo lãnh, Quỹ thực hiện ký hợp đồng hoặc thỏa thuận với đối tượng được bảo lãnh về việc khoanh nợ, giãn nợ.  **Điều 11. Ứng vốn để thực hiện cơ cấu lại khoản nợ, danh mục nợ Chính phủ**  1. Việc ứng vốn để thực hiện cơ cấu lại khoản nợ, danh mục nợ Chính phủ và nợ được Chính phủ bảo lãnh nhằm giảm thiểu chi phí đi vay: Thực hiện theo các đề án cơ cấu lại nợ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.  2. Đề án cơ cấu lại nợ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cần kiến nghị rõ nguồn vốn thực hiện, nguồn hoàn trả cho Quỹ, trị giá ứng vốn, kỳ hạn ứng vốn, lãi suất ứng vốn, lãi phạt chậm trả, phí ứng vốn để có căn cứ thực hiện ứng và thu hồi vốn ứng của Quỹ. Các chi phí ứng vốn do cơ quan thực hiện đề án chi trả.  3. Căn cứ vào đề án cơ cấu lại nợ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài chính thực hiện ký hợp đồng ứng vốn với đơn vị được giao chủ trì thực hiện đề án. Sau khi hợp đồng ứng vốn được ký kết, Bộ Tài chính thực hiện chuyển tiền ứng vốn cho đơn vị được giao chủ trì thực hiện đề án tái cơ cấu nợ.  **Điều 12. Chi xử lý rủi ro**  1. Trường hợp đối tượng được bảo lãnh mất khả năng thanh toán và sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ nguồn để trả nợ cho Quỹ, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng chính phủ phương án xử lý. Căn cứ vào quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phương án xử lý đối với phần nợ không thể thu hồi.  2. Đối với các dự án cho vay lại không gặp khó khăn, không hoàn trả được vốn vay về cho vay lại, Bộ Tài chính xem xét quyết định hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.  3. Trường hợp căn cứ vào Quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép xóa nợ với Quỹ, Quỹ thực hiện xóa nợ và tính phần nợ không thu hồi được này vào chi phí của Quỹ.  **Điều 13. Chi nghiệp vụ quản lý nợ công**  1. Bộ Tài chính thực hiện các khoản chi phí nghiệp vụ quản lý Quỹ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.  **Chương IV SỬ DỤNG NGUỒN TẠM THỜI NHÀN RỖI CỦA QUỸ**  **Điều 14. Sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ**  1. Nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ theo quy định tại Khoản 5, Điều 56 của Luật Quản lý nợ công được bảo toàn và phát triển thông qua các nghiệp vụ quản lý sau:  2. Cho Ngân sách nhà nước vay  a) Trong trường hợp nguồn thu của Ngân sách nhà nước chưa tập trung kịp, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ cho ngân sách nhà nước vay. Các điều kiện về thời hạn và lãi suất do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định cho từng khoản vay.  b) Căn cứ vào phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc cho ngân sách nhà nước vay, Quỹ thực hiện ký Hợp đồng cho vay với ngân sách nhà nước. Sau khi ký Hợp đồng vay, Quỹ thực hiện chuyển tiền cho ngân sách nhà nước.  c) Ngân sách nhà nước có trách nhiệm bố trí hoàn trả đầy đủ, kịp thời cho Quỹ khi đến hạn.  3. Mua trái phiếu Chính phủ: Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định mức sử dụng nguồn tạm thời nhàn rỗi để mua, mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ.  4. Sử dụng dịch vụ tiền gửi có kỳ hạn, ủy thác quản lý vốn tại các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính trong nước.  a) Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trong nước được lựa chọn để sử dụng dịch vụ tiền gửi, ủy thác quản lý vốn của Quỹ là các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng được tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm hoặc theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.  b) Căn cứ danh sách các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng được lựa chọn và mức lãi suất tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất ủy thác quản lý vốn của các ngân hàng thương mại chào cho Quỹ, Bộ Tài chính quyết định số tiền, kỳ hạn gửi, ủy thác quản lý vốn tại từng ngân hàng thương mại, ưu tiên gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có tính an toàn cao, khả năng thanh khoản tốt và có mức lãi suất cao hơn.  5. Khoản sinh lời của Quỹ từ việc sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, lãi do cơ cấu lại nợ và các khoản thu phí bảo lãnh được dùng để bổ sung nguồn cho Quỹ và dự phòng xử lý các rủi ro trong hoạt động cho vay lại, bảo lãnh Chính phủ.  **Điều 15. Đảm bảo nguồn ngoại tệ của Quỹ**  1. Quỹ có trách nhiệm thông qua các nghiệp vụ mua bán ngoại tệ trên thị trường để duy trì nguồn ngoại tệ tối thiểu bằng một kỳ trả nợ nước ngoài của Chính phủ trong năm nhằm đảm bảo khả năng trả nợ nước ngoài bằng ngoại tệ.  2. Căn cứ vào tình hình thực hiện thu chi ngoại tệ của Quỹ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc điều hòa ngoại tệ cho Quỹ từ quỹ ngoại tệ của ngân sách nhà nước trong trường hợp, nguồn thu ngoại tệ không đáp ứng đủ nhu cầu chi ngoại tệ của Quỹ.  3. Trường hợp, sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ để cho ngân sách nhà nước vay; mua trái phiếu Chính phủ hoặc gửi tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng bằng đồng Việt Nam Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định biện pháp đảm bảo thu hồi và cân đối bằng ngoại tệ của Quỹ.  **Điều 16. Xử lý trường hợp thiếu hụt nguồn của Quỹ**  1. Trường hợp do khoản ứng trả thay quá lớn và Quỹ không đủ nguồn để ứng trả thay, việc thiếu hụt nguồn được xử lý như sau:  a) Thu hồi trước hạn các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính trong nước;  b) Thu hồi các khoản ủy thác quản lý vốn;  c) Bán ra các trái phiếu chính phủ đang nắm giữ (nếu có).  2. Trường hợp Quỹ không đủ nguồn để chi trả nợ sau khi đã áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro theo quy định của Luật này, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo trình Chính phủ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 7, Điều 56 của Luật Quản lý nợ công.  3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định các biện pháp xử lý thiếu hụt nguồn của Quỹ quy định tại Khoản 1 của Điều này.  **Điều 17. Quản lý rủi ro hoạt động của Quỹ**  Trong quá trình thực hiện các hoạt động của Quỹ, nếu gặp khó khăn trong việc thu hồi các khoản ứng vốn, Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra và xây dựng phương án xử lý theo chế độ quy định. Trường hợp vượt thẩm quyền, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.  **Chương V TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO QUỸ**  **Mục I Tổ chức hoạt động của Quỹ**  **Điều 18. Mở tài khoản của Quỹ**  1. Quỹ được mở tài khoản giao dịch bằng ngoại tệ và tiền Việt Nam tại Kho bạc Nhà nước.  2. Tài khoản giao dịch được mở có các tiểu khoản theo nội dung và các loại ngoại tệ tương ứng để theo dõi từng nguồn thu theo quy định tại Khoản 3 Điều 56 Luật quản lý nợ công.  **Điều 19. Bộ máy quản lý Quỹ**  1. Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm cán bộ của Bộ Tài chính kiêm nhiệm làm chủ tài khoản, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) và phân công một số cán bộ kiêm nhiệm làm nhiệm vụ quản lý Quỹ.  2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể về quản lý, điều hành Quỹ và nhiệm vụ quyền hạn của chủ tài khoản, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) và các cán bộ quản lý Quỹ có liên quan.  **Mục II KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO QUỸ**  **Điều 20. Kế toán, kiểm toán Quỹ**  1. Quỹ thực hiện hạch toán kế toán theo các quy định pháp luật về kế toán và Thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ do Bộ Tài chính ban hành.  2. Quỹ được phép đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố. Cuối kỳ kế toán (năm) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại sẽ được kết chuyển vào Thu hoạt động Quỹ (nếu lãi) và kết chuyển vào Chi hoạt động Quỹ (nếu lỗ).  3. Quỹ chịu sự kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước trong quá trình kiểm toán ngân sách nhà nước hoặc kiểm toán chuyên đề về nợ công theo quy định tại Điều 18 của Luật Quản lý nợ công.  **Điều 21. Đối chiếu số liệu**  Quỹ chịu trách nhiệm thường xuyên đối chiếu số liệu với các cơ quan cho vay lại và các dự án nhận vay lại trực tiếp về các khoản thu hồi nợ cho vay lại; với các dự án vay được Chính phủ bảo lãnh về dư nợ được bảo lãnh và phí bảo lãnh phải nộp, đã nộp; với ngân sách nhà nước về số tiền ngân sách nhà nước đã ứng trả cho các khoản vay về cho vay lại của Chính phủ, số tiền Quỹ đã hoàn trả cho ngân sách nhà nước; và các đơn vị được Quỹ ứng vốn hoặc cho vay theo quy định tại Quy chế này cũng như với các tổ chức tài chính tín dụng cung cấp dịch vụ tiền gửi hoặc quản lý tài sản cho Quỹ.  **Điều 22. Chế độ báo cáo**  1. Hàng năm, hoặc theo yêu cầu, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ để Chính phủ báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước về tình hình quản lý, sử dụng Quỹ tích lũy trả nợ trong báo cáo chung về nợ công theo quy định tại Tiết đ, Khoản 1, Điều 60 của Luật Quản lý nợ công.  2. Hàng năm, Quỹ lập báo cáo về tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ. Thời gian lập báo cáo chậm nhất là 45 ngày sau khi kết thúc năm và trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt trước 31 tháng 3 của năm sau năm báo cáo.  3. Hàng quý, trong vòng 10 ngày đầu quý, Quỹ lập báo cáo về tình hình thu, chi trong quý trước, số dư của Quỹ và số lũy kế từ đầu năm.  4. Các cơ quan cho vay lại báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý và hàng năm về các khoản thu hồi vốn cho vay lại, thu phí cho vay lại, rủi ro cho vay lại và hoàn trả Quỹ theo từng dự án cho vay lại gửi cho Bộ Tài chính. Thời hạn báo cáo là ngày 05 của tháng tiếp theo đối với báo cáo tháng, ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo đối với báo cáo quý; và trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.  5. Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo tình hình các dự án Quỹ Tích lũy trả nợ phải ứng trả thay; tình hình quản lý, sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ.    **Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**  **Điều 23. Hiệu lực thi hành**  1. Nghị đinh này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2018.  2. Quyết định số 01/2013/QĐ-TTg ngày 07/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về lập, quản lý và sử dụng Quỹ tích lũy trả nợ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.  **Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp**  Các hợp đồng ứng vốn, hợp đồng vay, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hợp đồng ủy thác đầu tư của Quỹ được ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Quyết định 01/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về lập, quản lý và sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ.  **Điều 25. Điều khoản thi hành**  1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.  2. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành các nội dung của Nghị định này nếu cần thiết để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước./.   |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:***  - Ban bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó thủ tướng Chính phủ;  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Văn phòng Trung tương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;  - Ngân hàng Chính sách xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan trung ương của các đoàn thể;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: VT, QHQT (3).XH. | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**          **Nguyễn Xuân Phúc** | |